

Bản án số: **03/2022/HS-ST**
Ngày 11-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1- Thạch Chí Bc1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1995 tại An Minh, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Thạch Văn T và bà Nguyễn Thị D; vợ là Trương MD và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2- Huỳnh Văn Bc2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998 tại An Minh, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3- Lê Văn Bc3, sinh năm 1974 tại An Minh, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: đi

biển; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh; vợ là Trần Thị L và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Lê Thanh Bh, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp XN, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 08/3/2021, Thạch Chí Bc1 cùng với Huỳnh Văn Bc2 (Bc2 làm thuê cho Bc1) đi giữ lú dây đặt tại vùng biển thuộc địa phận xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Bc1 nói với Bc2 là thời gian gần đây bị mất lú nhiều và rủ Bc2 đi trộm lú dây của người dân đặt ngoài biển để sử dụng thì Bc2 đồng ý. Lúc này Bc1 điều khiển vỏ composite hiệu Đức Tài dài 8,7 mét, máy Isuzu 18 chở theo Bc2, đi từ vàm Thứ 9 ra biển được khoảng 02 km thì phát hiện một cò lú buộc bằng dây vải, phao làm bằng xóp trắng của ông Lê Thanh Bh; cư trú ấp XN, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, nên Bc1 dừng lại rồi cùng Bc2 thay phiên nhau kéo và xếp lú lên vỏ, cả hai kéo được khoảng 02 tiếng đồng hồ thì vỏ đầy, sợ bị phát hiện nên nghỉ và điều khiển vỏ máy chạy về vị trí cò lú của Bc1 đặt rồi cùng nhau thả số lú vừa lấy trộm được xuống biển, chắt thành đồng, trong lúc thả thì đếm được tổng cộng 146 cái lú dây (loại lú 20 vành), Bc1 và Bc2 thỏa thuận Bc1 lấy 76 cái và chia cho Bc2 70 cái.

Đến khoảng 08 giờ ngày 09/3/2021, Bc1 và Bc2 đi ra biển thăm lú thì gặp Lê Văn Bc3 cũng đang đặt lú trên biển, Bc1 hỏi Bc3 có mua lú không để bán số lú đã chia cho Bc2 thì Bc3 nói mua nên Bc1 chỉ chỗ cho Bc3 xem lú. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Bc3 đến chỗ Bc1 chỉ để xem lú, khi kéo lú lên xem thấy lú chắt thành đồng và biết Bc2 làm thuê cho Bc1 nên không có lú thì Bc3 biết là lú do Bc1 và Bc2 lấy trộm mà có, sau khi xem Bc3 và Bc2 thương lượng giá bán mỗi cái lú là 110.000 đồng, Bc2 nói nếu mua 46 cái thì lấy chẵn 5.000.000 đồng, Bc3 đồng ý và kéo 46 cái lú lên vỏ chở về nhà. Qua hôm sau, Bc3 đã trả đủ số tiền mua lú cho Bc2. Số lú còn lại là 24 cái Bc2 bán lại cho Bc1 với giá 2.000.000 đồng, Bc1 đã trả đủ tiền cho Bc2.

Đến ngày 04/04/2021, do trước đó ông Lê Thanh Bh bị mất 156 cái lú dây, nên khi nghe có người nhìn thấy Bc1 chở lú dây từ ngoài biển về giặt, trong đó có một số lú có đặc điểm giống số lú mà ông Bh bị mất, nên ông Bh đến kiểm tra thì phát hiện có 50 cái lú mà ông Bh bị mất đang đặt cùng với lú của Bc1, khi đến nhà Bc1 kiểm tra thì phát hiện thêm 50 cái lú mà ông Bh bị mất đang phơi tại sân nhà Bc1. Sau khi sự việc bị phát hiện, Thạch Chí Bc1 và Lê Văn Bc3 đã giao nộp lại toàn bộ 146 cái lú dây. Ngoài ra Bc1 còn bồi thường ông Bh 10 cái lú bị mất không thu hồi được với số tiền 2.300.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Thạch Chí Bc1 và Huỳnh Văn Bc2 thừa nhận toàn bộ hành vi cùng nhau lấy trộm 146 cái lú của ông Lê Thanh Bh mang về bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng. Lê Văn Bc3 thừa nhận biết 46 cái lú dây là do Bc1 và Bc2 trộm cắp mà có được nhưng vẫn đồng ý mua, do quá trình đặt lú bị mất nhiều và thấy giá rẻ nên mua để đặt.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 07/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận 156 cái lú dây giá trị còn lại là 34.819.200 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh đã tạm giữ: 146 cái lú dây, sau khi phục vụ công tác điều tra và định giá tài sản đã trả lại cho bị hại là ông Lê Thanh Bh. Riêng chiếc vỏ Composite hiệu Đức Tài dài 8,7 mét, máy Isuzu 18 là phương tiện Bc1 và Bc2 dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của ông Thạch Văn T cha của Bc1 cho bị can mượn, khi Bc1 và Bc2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ông T không hay biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T.

Về trách nhiệm dân sự, Người bị hại là ông Lê Thanh Bh đã nhận lại tài sản bị mất và được bồi thường thiệt hại xong, nên không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 57/CT-VKS-AM ngày 09-11-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Thạch Chí Bc1, Huỳnh Văn Bc2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Văn Bc3 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo Bc1, Bc2 phạm tội trộm cắp tài sản và đề nghị: áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc1 từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng điểm i, s khoản

1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc2 từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn Bc3 phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bc3 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về phần dân sự và vật chứng đã xử lý xong. Đối với số tiền bị cáo Bc2 có được từ việc bán số lú trộm được đề nghị tịch thu sung quỹ.

- Bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày là đã biết lỗi, hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bc3 cho rằng chỉ nhất thời phạm tội, đã hối hận, hứa không vi phạm nữa và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 19 giờ 08/3/2021, tại vùng biển thuộc địa phận xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, Thạch Chí Bc1 rủ Huỳnh Văn Bc2 đi trộm lú dây của người dân đặt ngoài biển thì Bc2 đồng ý. Bc1 điều khiển vỏ máy chở theo Bc2, đi đến cò lú của ông Lê Thanh Bc rồi thay phiên nhau kéo lú xếp lên vỏ, cả hai kéo lấy trộm được tổng cộng 146 cái lú dây thì nghỉ; thỏa thuận Bc1 lấy 76 cái và chia cho Bc2 70 cái. Đến khoảng 11 giờ ngày 09/3/2021, Lê Văn Bc3 biết được số lú dây là do Bc1 và Bc2 lấy trộm có được nhưng vẫn đồng ý mua của Bc2 46 cái lú

dây với giá 5.000.000 đồng, số lú còn lại là 24 cái Bc2 bán cho Bc1 với giá 2.000.000 đồng. Giá trị tài sản mà Bc1 và Bc2 lấy trộm của bị hại Lê Thanh Bb theo kết luận định giá là 34.819.200 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo Bc1, Bc2 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo Bc1, Bc2 đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ; khi chiếm đoạt tài sản các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 34.819.200 đồng; tuy các bị cáo có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo Bc1 và Bc2 phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo Bc1 và Bc2 đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng, bất an trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất của người dân, gây thêm tình trạng bất ổn trên vùng biên ven bờ tại địa phương; tài sản chiếm đoạt có giá trị tương đối cao nên cần phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã nhận lại được tài sản; bị cáo Bc1 đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho bị hại. Do đó bị cáo Bc1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bc2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Qua phân tích, thấy cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Bc1, Bc2 bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm để răn đe, phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt cũng cần thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, từ trước đến khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật để có phần giảm nhẹ, phù hợp với tính chất vụ án và nhân thân của bị cáo. Trong đó bị cáo Bc1 có vai trò chính, là người khởi xướng nên mức hình phạt của bị cáo Bc1 cao hơn bị cáo Bc2.

[6] Bị cáo Bc3 biết rõ số tài sản mà bị cáo Bc1, Bc2 có được từ trộm cắp nhưng đã mua tài sản để sử dụng là đã phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[7] Hành vi của bị cáo Bc3 đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội và sự bất bình trong nhân dân. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. HĐXX thấy bị cáo Bc3 có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng nhưng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt; mục đích mua tài sản để nhằm sử dụng đánh bắt nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp. HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[8] Về vật chứng, đã được xử lý xong nên không xét. Đối với số tiền mà bị cáo Bc2 có được gồm: tiền bán lú cho bị cáo Bc3 là 5.000.000 đồng; bán cho bị cáo tính là 2.000.000 đồng. Đây là tiền bị cáo có được từ việc mua bán tài sản trộm cắp nên cần tịch thu sung quỹ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[9] Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: bị cáo Thạch Chí Bc1, Huỳnh Văn Bc2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Chí Bc1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Bc2 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Bc3 phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Bc3 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 11-01-2022).

Giao cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

4- Về vật chứng, đã được xử lý xong.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền mà bị cáo Bc2 có được từ việc mua bán tài sản trộm cắp là 7.000.000 đồng (buộc bị cáo Bc2 nộp lại số tiền này để sung quỹ).

5- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Bc1, Bc2, Bc3 mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11-01-2022). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND X.TH, H. An Minh, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

